



**Phụ lục XXIV: Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng**  
**Appendix XXIV: Report on change of Net Asset Value**

(Ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính)  
(Promulgated with the Circular 98/2020/TT-BTC on November 16th, 2020 of Ministry of Finance)

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

**Kính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước**

*To: - State Securities Commission of Vietnam*

- |    |                                                                    |                                                                                                                                                                           |
|----|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. | <b>Tên Công ty quản lý quỹ:</b><br><i>Fund Management Company:</i> | <b>Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng</b><br><i>Phu Hung Fund Management Joint Stock Company</i>                                                                        |
| 2. | <b>Tên Ngân hàng giám sát:</b><br><i>Supervising bank:</i>         | <b>Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa</b><br><i>Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Nam Ky Khoi Nghia Branch</i> |
| 3. | <b>Tên Quỹ:</b><br><i>Fund name:</i>                               | <b>QUỸ ĐẦU TƯ CHỌN LỌC PHÚ HƯNG VIỆT NAM</b><br><i>Phu Hung Vietnam Select Investment Fund</i>                                                                            |
| 4. | <b>Kỳ báo cáo:</b><br><i>Reporting Period:</i>                     | <b>12/01/2026</b><br><i>12-Jan-2026</i>                                                                                                                                   |
| 5. | <b>Ngày lập báo cáo:</b><br><i>Reporting Date:</i>                 | <b>13/01/2026</b><br><i>13-Jan-2026</i>                                                                                                                                   |

**Đối với quỹ định giá hàng ngày/For Fund with daily valuation**

Unit: VND

| STT<br>NO | CHỈ TIÊU<br>CRITERIA                                                                                                                       | KỶ BÁO CÁO NÀY<br>THIS PERIOD<br>12/01/2026 | KỶ BÁO CÁO TRƯỚC<br>LAST PERIOD<br>11/01/2026 |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 1         | <b>Giá trị tài sản ròng</b><br>Net Asset Value                                                                                             |                                             |                                               |
| 1.1       | <i>của quỹ/per Fund</i>                                                                                                                    | 204,330,678,389                             | 199,998,968,521                               |
| 1.2       | <i>của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate</i>                                                                                          | 14,053.37                                   | 13,755.74                                     |
| 2         | <b>Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết)</b><br>Foreign Investors' Ownership Ratio (not applicable for listed fund) |                                             |                                               |
| 2.1       | <i>Số lượng chứng chỉ quỹ/Number of Fund Certificates</i>                                                                                  | 9,794,974.77                                | 9,794,974.77                                  |
| 2.2       | <i>Tổng giá trị/Total value</i>                                                                                                            | 137,652,404,583                             | 134,737,126,243                               |
| 2.3       | <i>Tỷ lệ sở hữu/Ownership Ratio</i>                                                                                                        | 67.37%                                      | 67.37%                                        |

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**  
*Authorised Representative of Supervisory Bank*

**Đại diện có thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ**  
*Authorised Representative of Fund Management Company*

**Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN**  
**CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa**  
**Nguyễn Thị Minh Châu**  
**Phó Giám đốc Chi nhánh**

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**  
**Lu Hui Hung**  
**Tổng Giám đốc**